

Bản án số:33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 8 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Phạm Văn Biên

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. Có mặt.

ĐKKH: KDC H1, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Tạm trú tại: Hiệp Thạch, H2, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phú Đg, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: KDC H1, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương

-Người làm chứng: Bà Đoàn Thị Vinh, sinh năm 1953. Vắng mặt.

Địa chỉ: KDC H1, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Phú Đg kết hôn với nhau vào ngày 03 tháng 3 năm 2004, được đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là phường A) trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, cũng như về cách làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh Đg không có trách nhiệm, mọi công việc chi tiêu trong gia đình đều do một mình chị. Năm 2019, chị và anh Đg đã tự sống ly thân. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự

không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đg.

Anh Nguyễn Phú Đg trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, cũng như về kinh tế trong gia đình. Nay chị T xin ly hôn, anh mong muốn được hàn gắn đoàn tụ, nên anh không nhất trí ly hôn cùng chị T.

Về con chung: Chị T và anh Đg có hai con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 10/01/2005 và Nguyễn Phú Tiến Đ1, sinh ngày 09.5.2011. Chị T đề nghị xin được nuôi cháu L, chị không yêu cầu anh Đg cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Còn cháu Đ1 chị nhất trí giao cháu cho anh Đg trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đg đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện cháu L Đg ở cùng chị T, cháu Đ1 Đg ở cùng anh Đg. Nguyên vọng của cháu L xin được ở với chị T, cháu Đ1 xin được ở cùng anh Đg.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Chị T và anh Đg đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đoàn Thị Vinh (mẹ anh Đg) trình bày: Năm 2004, anh Đg kết hôn cùng chị T trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng anh Đg chung sống bình T. Cho đến tháng 8/2020, vợ chồng làm ăn khó khăn, nên đã xảy ra những khúc mắc bất đồng với nhau. Chị T đã nói chuyện với bà về việc xin ly hôn anh Đg, bà đã động viên khuyên bảo song chị T không thay đổi. Nay bà vẫn mong muốn vợ chồng anh Đg hàn gắn, vun đắp cuộc sống chung. Còn nếu chị T vẫn cương quyết xin được ly hôn thì bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và anh chị tự có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương phường A cung cấp: Chị T kết hôn cùng anh Đg và được đăng ký hộ khẩu tại UBND phường A. Nay chị T xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung thì địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có mặt giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh Đg vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban T vụ Quốc hội.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Phú Đg.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 10/01/2005 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Phú Tiến Đ1, sinh ngày 09.5.2011 cho anh Đg trực tiếp nuôi dưỡng trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, riêng, nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Phú Đg có đăng ký hộ khẩu T trú tại phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết anh Nguyễn Phú Đg không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, TAND thị xã K áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Phú Đg là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Phú Đg trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị T đề nghị xin ly hôn anh Đg, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện anh chị đã tự sống ly thân. Quá trình Tòa án tiến hành hòa giải anh Đg đều không có mặt. Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Những điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh Đg không có khả năng hàn gắn, mâu thuẫn giữa đôi bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Phú Đg là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đg có hai con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 10/01/2005 và Nguyễn Phú Tiến Đ1, sinh ngày 09.5.2011. Xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T và anh Đg đều hoàn toàn chính đáng, phù

hợp với quy định của pháp luật. Song để đảm bảo cho sự ổn định của các cháu, phù hợp với điều kiện, khả năng và nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của các bên, nên cần giao cháu L cho chị T và giao cháu Đ1 cho anh Đg trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh Đg đều không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban T vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phụ Đg.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 10/01/2005 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Phụ Tiến Đ1, sinh ngày 09.5.2011 cho anh Nguyễn Phụ Đg trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh Đg không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0005789 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Chị T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Phụ Đg được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền